

Bản án số: 70/2021/HC-PT

Ngày: 22 / 3 / 2021

V/v: *kiếu kiện Quyết định hành chính*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Điều Văn Hằng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Ông Nguyễn Huyền Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 353/2020/TLPT-HC ngày 07 tháng 07 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 29 tháng 05 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2207/2021/QĐPT-HC ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Lục Thanh H; địa chỉ: Phố Đ, Thị trấn T, Huyện T, Tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: NBV1. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường H, phường H, Thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Xuân A – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. (Giấy ủy quyền số: 254/GUQ-UBND ngày 11-02-2020 của UBND tỉnh Cao Bằng). Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: NBV2. Có mặt.

3. Người làm chứng:

3.1. Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị N – Phó chánh Thanh tra

Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

3.2. Ông Lục Xuân H; sinh năm: 1955; địa chỉ: Khu A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09-12-2019 và ngày 30-12-2019, bản tự khai, phiên họp đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm bà Lục Thanh H trình bày:

Năm 2000 bà H về quê thì được biết nhà số T, phố C, nay là nhà B V - Phường H - Thành phố C - Tỉnh Cao Bằng (viết tắt là nhà B) đã được UBND tỉnh Cao Bằng giải quyết cho Ban quản lý kế hoạch hoá gia đình. Bà có đến phòng tiếp dân UBND tỉnh gửi đơn xin lại ngôi nhà B do bố (là ông Lục Văn L, còn có tên gọi khác là Lục Thành C) để lại nhưng không được giải quyết vì UBND tỉnh Cao Bằng cho rằng đã quản lý nhà vắng chủ từ năm 1976. Bà H không công nhận việc quản lý nhà vắng chủ năm 1976 vì đây là nhà do bố mẹ bà để lại cho các con. Từ năm 1942 - 1975 luôn có người sử dụng không bị vắng chủ, đến năm 1976 không biết vì lý do gì mà có người vào ở. Năm 2001, bà có đơn khiếu nại nhiều nơi, mãi đến năm 2014, thông qua luật sư bà mới nhận được thư trả lời. Đến ngày 13-12-2018 bà mới biết UBND tỉnh không có quyền trả lại nhà đất mà phải khởi kiện đến Tòa án.

Về nguồn gốc của ngôi nhà B là nhà của ông Nùng Sĩ M và Lò Séc M1. Do cần tiền, ông M và ông M1 đã làm giấy cầm nhà (cả đất) để vay cụ L tổng số tiền là 2.500 đồng (Hai ngàn năm trăm đồng). Việc hoàn tất thủ tục mua bán nhà chưa thực hiện được thì ngày 05-7-1945 cụ L hy sinh, lúc đó ông Lục Văn Đ (anh trai bà H) 17 tuổi, còn bà H mới được 5 tuổi. Mặt khác do loạn lạc, gia đình cụ M chuyển đi nhiều nơi (Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn). Đến ngày 09-3-1963 ông Bố Sinh T còn viết giấy chứng nhận cụ L có mua nhà đất B của cụ M, có xác nhận của UBND thị trấn B. Ngày 07-12-1973 ông Đ viết giấy cho ông Nông Trọng Q (ông Q là đồng nghiệp của ông Đ) - Trưởng phòng bảo vệ nông nghiệp Ty công an Cao Bằng mượn ngôi nhà để sử dụng. Ngày 07-12-1973 Phó Chủ tịch UBND huyện B đã ký xác nhận với nội dung: “Số nhà T phố C thị xã C là của ông Lục Văn Đ do bố để là cụ Lục Văn L (Lục Thành C) để lại có kèm theo giấy tờ gốc nay giao cho ông Q sử dụng để ở”. Như vậy đến năm 1973 Nhà nước đã xác nhận ngôi nhà nói trên là của cụ L. Bố tôi hy sinh đương nhiên ngôi nhà trên là của anh tôi (Đ) và tôi. Vì thế anh trai tôi mới có quyền nhường nhà cho ông Q để ở. Năm 1975 nhà mới chính thức khóa cửa. Đến năm 1976 ông Đ được tin cơ quan Công ty xây dựng thị xã C vào ở nên đã có ý kiến với Công ty xây dựng và viết thư cho ông M1 (La Thạch V) để hỗ trợ giải quyết, nhưng không may ông Đ mắc bệnh hiểm nghèo nên đã mất tháng 7-1978. Năm 1979 sự kiện người Hoa và cũng là năm mẹ tôi mất. Năm 1983 ông M1 chết nên gia đình bà H bị mất liên lạc.

Về vấn đề thời hạn khởi kiện: Thông qua luật sư bà H mới nhận được công văn số 1156. Sau đó ngày 15-5-2014, bà có đơn gửi Thanh tra chính phủ.

Tại phiên tòa, bà H vẫn yêu cầu hủy công văn trả lời đơn khiếu nại số 1156/UBND ngày 06-5-2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Yêu cầu Ủy

ban nhân dân tỉnh Cao Bằng trả lại đất và nhà B tại đường V, Phường H, Thành phố C, Tỉnh Cao Bằng.

NBV1 trình bày:

Tại phiên tòa, luật sư có ý kiến về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng nhà đất B; quá trình khiếu nại, khởi kiện như bà H trình bày. Luật sư bổ sung thêm yêu cầu cầu hủy bỏ Quyết định số 133/QĐ-NĐ-UB ngày 22-01-2000 v/v thu hồi đất đai, nhà cửa - phê duyệt địa điểm chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình và chuyển giao nhà cho trung tâm bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em - kế hoạch hóa gia đình làm trụ sở làm việc (Quyết định số 133) và Công văn trả lời khiếu nại số 2197/UBND-BTCD ngày 25-6-2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng v/v trả lời đơn khiếu nại của bà Lục Thanh H, tỉnh Quảng Ninh (Công văn số 2197). Luật sư viện dẫn về quy định về nhà vắng chủ như sau:

Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 19/CP ngày 29-6-1960 của Chính phủ quy định: Đối với nhà vắng chủ: người quản lý là vợ chồng, con, bố, mẹ của người chủ nhà được hưởng mọi quyền lợi và làm mọi nhiệm vụ như người chủ nhà.

Điều 3 Nghị định số 24/CP ngày 13-02-1961 của Chính phủ quy định: Quyền lợi của chủ nhà đi vắng được Nhà nước bảo hộ và sẽ xét để giải quyết khi người chủ nhà trở về.

Quyết định số 111/CP ngày 14-4-1977 của Chính Phủ quy định: Đối với nhà vắng chủ, khi chủ nhà trở về sẽ được xét từng trường hợp cụ thể để trả nhà cho những người làm ăn lương thiện, những người tham gia cách mạng, kháng chiến, những người là nhân dân lao động.

Về việc mua nhà và quyền sở hữu nhà B, bà H đã cung cấp chứng cứ việc mua nhà của cụ Lục Văn L. Năm 1973, UBND huyện B đã xác nhận nhà trên thuộc quyền sở hữu của cụ L. Ông Đ, bà H là con được hưởng thừa kế và đã cho ông Q ở nhờ nhà. Đây là tài sản ông L để lại cho bà H. Giao dịch mua bán đã thực hiện xong vì bên mua đã nhận tiền. Hơn nữa việc mua bán nhà này là của em rể với chị vợ nên thủ tục mua bán đơn giản. Thực tế từ đó đến nay, giữa hai gia đình bên mua và bên bán là bà H và cháu của cụ M không có tranh chấp gì về việc mua bán trên.

Qua thực tế quá trình quản lý và sử dụng nhà B của cụ Lục Văn L thì yêu cầu đòi lại nhà của bà Lục Thanh H là có cơ sở và hợp tình, hợp lý. Đề nghị HĐXX xem xét hủy các quyết định, trả lại nhà B cho bà Lục Thanh H.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - ông Nguyễn Trung T, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng và NBV2 trình bày:

Đối với việc bố trí sử dụng nhà đất số B, phố V: Về hồ sơ Nhà nước quản lý ngôi nhà B, suốt quá trình các cơ quan quản lý, sử dụng và qua các thời kỳ bàn giao từ cơ quan này sang cơ quan khác không có hồ sơ. Hồ sơ đầu tư xây dựng công trình xây dựng thị xã C trong chiến sự Biên giới 1979 đã thất lạc. Qua rà soát UBND tỉnh Cao Bằng xác định nhà B là nhà vắng chủ. Diện các nhà vắng chủ khi Nhà nước thống nhất quản lý đều giao cho các cơ quan, tổ chức Nhà nước sử dụng. UBND tỉnh khẳng định đây là nhà vắng chủ vì: Nhà vắng chủ là nhà có chủ sở hữu nhưng chủ sở hữu không có mặt tại nhà, không có gia đình

của chủ sở hữu ở trong nhà hoặc không có người ủy quyền hợp pháp để quản lý nhà hoặc không có thân nhân ở trong nhà hoặc trông nom nhà. Sau năm 1950 gia đình họ L không có ai ở lại nhà này. Từ năm 1966 không có ai ở ngôi nhà B. Đến năm 1972, ông Lục Xuân H (con của ông Đ) có đến xem nhưng không đến sử dụng quản lý. Từ năm 1975 – 1976 nhà B do Nhà nước quản lý, không có tổ chức, cá nhân nào yêu cầu trả lại. Đến năm 2000 bà H mới có đơn gửi UBND tỉnh yêu cầu trả lại nhà B.

Trên cơ sở các giấy tờ bà H xuất trình, không đủ căn cứ chứng minh giao dịch cầm cố tài sản giữa bà Nùng Sĩ M và ông Lục Thành C đã hoàn thành, do vậy không thể phát sinh quyền thừa kế. Việc Nhà nước thực hiện quản lý nhà vắng chủ qua các thời kỳ về hồ sơ, thủ tục có thể không đầy đủ, nhưng việc bà H trình bày gia đình bà quản lý từ năm 1942 đến 1975 là không có căn cứ, thiếu cơ sở.

Do các cơ quan Nhà nước tỉnh Cao Bằng đã quản lý, sử dụng nhà đất số B từ năm 1976, nên Quyết định số 133 của UBND tỉnh Cao Bằng không phải Quyết định thu hồi tài sản, xác lập quyền sở hữu Nhà nước đối với nhà đất B mà là Quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước này giao cho một cơ quan Nhà nước khác quản lý, sử dụng; nên không làm phát sinh và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của gia đình bà H. Theo quy định tại khoản 1, Điều 32 Luật khiếu nại năm 1998 khiếu nại của bà H đối với Quyết định số 133 thuộc trường hợp cơ quan hành chính Nhà nước không được thụ lý giải quyết. Khiếu nại của bà Lục Thanh H không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 1, Nghị Quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 11 quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01-7-1991. Vì vậy, không có cơ sở áp dụng Nghị quyết này để thụ lý, ra quyết định giải quyết khiếu nại của bà H.

Nếu bà H muốn cơ quan Nhà nước xem xét giải quyết nhà B cho gia đình theo chính sách người hoạt động cách mạng, thì bà H phải đưa ra đủ căn cứ đã hoàn thành việc xác lập quyền sở hữu của ông Lục Thành C đối với ngôi nhà này.

Với những lý do trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng không chấp nhận yêu cầu của bà H. Đề nghị Tòa bác yêu cầu khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai 2003; Điều 4 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003; Điều 1 Nghị quyết 23/2003/QH11 ngày 26-11-2003 của Quốc hội về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01-7-1991;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Lục Thanh H về việc hủy:

- Công văn số: 1156/UBND-TD ngày 06-5-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Lục Thanh H;

- Quyết định số 133/QĐ-NĐ-UB ngày 22-01-2000 v/v thu hồi đất đai, nhà cửa - phê duyệt địa điểm chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình và chuyển giao nhà cho trung tâm bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em – kế hoạch hóa gia đình làm trụ sở làm việc;

- Công văn trả lời khiếu nại số 2197/UBND-BTCD ngày 25-6-2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng v/v trả lời đơn khiếu nại của bà Lục Thanh H, tỉnh Quảng Ninh.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/6/2020 người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là bà H trình bày nội dung và lý do kháng cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm vì cho rằng yêu cầu đòi nhà của mình là có cơ sở và hợp lý.

NBV1 trình bày: Không có căn cứ xác định nhà của cụ Lục Văn L đã có quyết định của UBND tỉnh Cao Bằng về quản lý nhà vắng chủ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng: Ông Nguyễn Trung T giữ nguyên quan điểm trình bày tại cấp sơ thẩm và nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm.

NBV2: Trên cơ sở các giấy tờ bà H xuất trình, không đủ căn cứ chứng minh giao dịch cầm cố tài sản giữa bà Nùng Sĩ M và ông Lục Thành C đã hoàn thành, do vậy không thể phát sinh quyền thừa kế. Việc Nhà nước thực hiện quản lý nhà vắng chủ qua các thời kỳ về hồ sơ, thủ tục có thể không đầy đủ, nhưng việc bà H trình bày gia đình bà quản lý từ năm 1942 đến 1975 là không có căn cứ, thiếu cơ sở. Do các cơ quan Nhà nước tỉnh Cao Bằng đã quản lý, sử dụng nhà đất số B từ năm 1976, nên Quyết định số 133 của UBND tỉnh Cao Bằng không phải Quyết định thu hồi tài sản, xác lập quyền sở hữu Nhà nước đối với nhà đất B mà là Quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước này giao cho một cơ quan Nhà nước khác quản lý, sử dụng; nên không làm phát sinh và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của gia đình bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Kiểm sát viên nêu lại toàn bộ diễn biến quá trình khiếu nại, khởi kiện của bà H. Bà H cho rằng bản án sơ thẩm xét xử không đúng. Tuy

nhiên, xét thấy không đủ căn cứ chứng minh giao dịch cầm cố tài sản giữa bà Nùng Sĩ M và ông Lục Thành C. Tại phiên tòa, ông Lục Xuân H xác định ông ở nhà B từ cuối năm 1972 đến giữa năm 1973, năm 1974 ông đi bộ đội nên không rõ nhà do ai quản lý, sử dụng. Năm 1980 ông xuất ngũ về địa phương cũng không ở nhà nay, ông cũng không đăng ký tạm trú, thường trú tại nhà này. Việc bà H cho là gia đình bà quản lý nhà từ năm 1942 đến năm 1975 là không có căn cứ, thiếu cơ sở. Việc bà H khởi kiện, yêu cầu hủy bỏ Công văn 1156 ngày 06/5/2014; Quyết định số 133/QĐ-NĐ-UB ngày 22/01/2000 và Công văn số 2197/UBND-BTCD ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc trả lời đơn khiếu nại là không có căn cứ. Các văn bản này không xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà H. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện, bà Lục Thanh H khởi kiện Công văn 1156 ngày 06/5/2014; Quyết định số 133/QĐ-NĐ-UB ngày 22/01/2000 và Công văn số 2197/UBND-BTCD ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Bà Lục Thanh H nộp đơn khởi kiện Công văn số 1156 ngày 10-12-2019. Các văn bản này đều có nội dung liên quan đến nhau. Các năm bà H đều có đơn khiếu nại, khiếu kiện, kêu cứu, các văn bản gửi đều có gửi UBND tỉnh, Tỉnh ủy, Hội đồng ủy ban nhân dân tỉnh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 3; Khoản 3 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn, bà Lục Thanh H có quyền khởi kiện.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và ý kiến trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy: Các giấy tờ bà Lục Thanh H đã giao nộp không làm căn cứ chứng minh giao dịch cầm cố tài sản giữa bà Nùng Sĩ M và ông Lục Thành C đã hoàn thành, cũng như chưa đủ căn cứ xác định quyền sở hữu ngôi nhà của ai. Như vậy, không làm phát sinh quyền thừa kế và bà Lục Thanh H khởi kiện đòi lại nhà đất số B - trước đó là nhà T phố C - nay là nhà số N, phường H, Thành phố C (sau đây gọi là nhà B) là không có căn cứ. Do đó, Công văn số 1156 và Công văn số 2197; Quyết định số 133 của UBND tỉnh Cao Bằng không có nội dung xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

Mặt khác, nhà đất B đã được các cơ quan Nhà nước quản lý, sử dụng từ các năm 1975, 1976. Năm 1977 ông Lò Sặc M1 khi viết thư cho ông Lục Văn Đ đã biết ngôi nhà B chính quyền đang quản lý, sử dụng và tại phiên tòa bà H cũng thừa nhận người nhà cho biết năm 1976 ngôi nhà do cơ quan Nhà nước quản lý nhưng không biết cơ quan nào. Suốt quá trình từ năm 1975, 1976 đến năm 2000 khi giao cho Trung tâm Bảo vệ bà mẹ trẻ em - Kế hoạch hóa gia đình Cao Bằng quản lý, sử dụng theo Quyết định số 133 ngày 22-01-2000, không có tổ chức, cá nhân nào có đơn yêu cầu Nhà nước trả lại. Ngày 07-8-2000, bà Lục Thanh H mới

có đơn gửi UBND tỉnh Cao Bằng yêu cầu trả lại nhà B. UBND tỉnh Cao Bằng, Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng tuy không cung cấp được các Quyết định liên quan đến việc quản lý, bố trí sử dụng và các giấy tờ liên quan đến nhà B trước năm 2000 với lý do toàn bộ hồ sơ đã bị thất lạc trong chiến sự bảo vệ Biên giới 1979. Việc Nhà nước thực hiện quản lý nhà vắng chủ qua các thời kỳ có thể không đầy đủ về hồ sơ, thủ tục nhưng thực tế Nhà nước đã giao cho cơ quan quản lý, sử dụng từ năm 1976.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lục Xuân H là cháu bà H cũng xác nhận ngôi nhà đã được xây lại mới, khác với trước năm 1975. Phía người bị kiện xuất trình tài liệu là bức ảnh chụp ngôi nhà được dùng làm trụ sở Công ty công trình công cộng thị xã sử dụng có đắp dòng chữ 1976. Mặt, khác, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định ngôi nhà khi Nhà nước quản lý sử dụng từ năm 1975 và đã đầu tư xây mới lại hoàn toàn. Theo lời khai của người làm chứng và hồ sơ vụ án thì từ năm 1976, UBND tỉnh Cao Bằng đã giao cho Công ty công trình công cộng thị xã sử dụng; năm 1996 khi đơn vị giải thể UBND tỉnh đã thu hồi, phê duyệt và chuyển giao ngôi nhà B cho Trung tâm Bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em – Kế hoạch hóa gia đình (nay là Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản) thuộc Sở y tế Cao Bằng làm trụ sở làm việc. Như vậy, Nhà nước đã quản lý nhà B cho đến tận ngày 07/8/2000 không có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào có đơn yêu cầu Nhà nước trả lại nhà.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai 2003; Điều 4 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003 thì: “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Tại Điều 1 Nghị quyết 23/2003/QH11 ngày 26-11-2003 của Quốc hội về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01-7-1991 quy định: “Nhà nước không xem xét lại chủ trương, chính sách và việc thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 1991.

Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất”.

Do đó, Nhà nước quản lý nhà B theo diện vắng chủ là đúng hiện trạng và diễn biến lịch sử; căn cứ chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước và từ những phân tích nêu trên cho thấy việc bà Lục Thanh H kháng cáo yêu cầu hủy Công văn số 1156; Quyết định số 133; Công văn số 2197 và trả lại nhà B không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm phù

hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng người khởi kiện là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm hành chính.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 29/05/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí: Bà Lục Thanh H được miễn án phí phúc thẩm hành chính.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu PHCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Điều Văn Hằng